

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 01 - 2025

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
người nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Phụng.

2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Ngọc T trình bày:

Bà Trương Ngọc T và ông Lê Minh V tự nguyện tìm hiểu, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp

ngày 06/7/2015. Bà T, ông V có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 28/3/2019. Khoảng 01 năm gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm, lo lắng cho vợ con mà ăn nhậu, bỏ bê gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hòa giải, hàn gắn. Đầu năm 2024, bà T đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại khu phố K, phường K, thành phố T sinh sống đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lê Minh V. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 28/3/2019, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn (ông Lê Minh V):

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng để ông V tham gia tố tụng nhưng ông V cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

- Xác minh và làm việc của Tòa án:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại nơi ở của bị đơn ông Lê Minh V (tổ E, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương) tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo mở phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn là ông Lê Minh V nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, đồng thời cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp người trực tiếp nuôi con theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông V tại nơi vợ chồng thường xuyên sinh sống (tổ E, ấp B, xã B, huyện B) được chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương cung cấp: Vợ chồng bà T, ông V sau khi kết hôn có sinh sống tại tổ E, ấp B, xã B tại gia đình cha mẹ ruột của ông V. Hiện tại, bà T đưa con chung rời nhà chồng sống ly thân ông V cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đối với vụ án: Trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn luật định. Quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trương Ngọc T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định

pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt họ và được Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ. Bị đơn Lê Minh V được tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để làm việc là chưa tuân thủ quy định pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

+ Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Ngọc T là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận cho bà T được ly hôn ông V. Giao con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 28/3/2019 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo về thụ lý vụ án, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Lê Minh V và bà Trương Ngọc T sống chung có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông V với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng đã không còn chung sống gần 01 năm nhưng không thể hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Ông V được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải để đoàn tụ. Điều này cho thấy ông V không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T xin ly hôn ông V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn: Ông Lê Minh V và bà Trương Ngọc T có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 28/3/2019, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông V nhận được thông báo tham gia tố tụng nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà T. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của người chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Trương Ngọc T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc T đối với ông Lê Minh V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc T được ly hôn với ông Lê Minh V.

1.2. Về người trực tiếp nuôi con chung: Bà Trương Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 28/3/2019.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Ông Lê Minh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông V lợi dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà T thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông V.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu Lê Thị Ngọc N, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003780 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan

